

Bản án số: 53/2021/HS- ST
Ngày: 25 - 3- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tuyết Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tường Thoại.
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Vũ Quang- Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn D Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 2 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST- HS ngày 05/3/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn D (tên gọi khác: Trắng), sinh ngày 15/8/1983, tại tỉnh Thừa Thiên H; giới tính: Nam; Nơi cư trú: 277 Bùi Thị X, phường Đức, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 05/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: phật giáo; con ông Trần Văn Ng và bà Đặng Thị L (đều đã chết); vợ: Nguyễn Thị Thúy Ng sinh năm 1984; Có 03 con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án: không, tiền sự: không

Nhân thân: Lúc nhỏ ở với ông bà ngoại tại xã Bình Đ, thị xã Hương Tr, tỉnh Thừa Thiên H, học văn hóa đến lớp 5 thì nghỉ học. Năm 2002 lấy vợ và chuyển đến sinh sống tại 277 Bùi Thị X, phường Phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Ngày 26/8/2020 có hành vi “Trộm cắp tài sản” nên ngày 3/9/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Ngày 23/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố H đã xử phạt 09 tháng tù (tại bản án số 269/2020/HS- ST).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2020 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, “có mặt”.

- Bị hại: Chị Trần Thị Ân, sinh năm 1988; Nơi cư trú: 91B Thiên T, phường An T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, “vắng mặt”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1973; Nơi cư trú: 83 Lịch Đ, phường Phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, “có đơn xin vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/7/2020, tại cơ sở kinh doanh của chị Trần Thị Ân, Nguyễn D đã lập hợp đồng thuê của chị Ân 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển số 75B1-318.90 để sử dụng trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày với giá 120.000 đồng/ngày. Do không có tiền tiêu nên vào ngày 26/8/2020, D mang xe mô tô trên đi cầm cố cho anh Nguyễn Văn Tr 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), anh Tr trừ tiền lãi 400.000 đồng nên đưa bị cáo 3.600.000 đồng. Số tiền này D tiêu xài cá nhân hết. Đến hạn, D không mang xe đến trả cho chị Ân, nên ngày 31/8/2020, chị Trần Thị Ân viết đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của D.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 75B1- 318.90, màu trắng xám, số máy JF46E2059252, số khung 4612EY041412, đã qua sử dụng;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 018016 mang tên Trần Thị Ân;

- 01 (một) Hợp đồng cho thuê xe máy, đề ngày 27/7/2020, đứng tên người thuê xe Nguyễn D;

- 01 (một) bản sao giấy chứng minh nhân dân số 191476352 mang tên Nguyễn D;

- 01 (một) giấy mượn tiền, đề ngày 26/8/2020, đứng tên người mượn tiền Nguyễn D.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 245/KL- HĐĐG ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố H kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển số 75B1-318.90 có giá trị là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

-Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 75B1-318.90 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho chủ sở hữu là chị Trần Thị Ân. Chị Ân không có yêu cầu gì thêm.

Anh Nguyễn Văn Tr yêu cầu Nguyễn D trả lại số tiền cầm cố xe là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). D chưa bồi thường.

Đối với hợp đồng cho thuê xe máy đề ngày 27/7/2020, 01 (một) bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn D, giấy mượn tiền đề ngày 26/8/2020, đứng tên người mượn tiền Nguyễn D, cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo D đã khai hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 46/CT- VKS- HS ngày 02 tháng 02 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố Nguyễn D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn D mức án tù từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 09 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 269/2020/HS- ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Chị Á đã nhận lại xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 75B1-318.90 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, không có yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa anh Tr có đơn xin vắng mặt và không yêu cầu bị cáo D bồi thường cho anh số tiền 3.600.000 đồng nữa, nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Có đủ căn cứ kết luận: Ngày 27/7/2020 tại cơ sở kinh doanh của chị Trần Thị Á ở địa chỉ số 91B Thiên Th, phường An T, thành phố H, bị cáo Nguyễn D thuê của chị Trần Thị Á 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Airblade, biển số 75B1-318.90, có giá trị 17.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại. Ngày 26/8/2020 bị cáo D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên bị cáo đem xe mô tô trên đến cầm cho anh Nguyễn Văn Tr số tiền 4.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Hành vi nêu trên của bị cáo D đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt

tài sản” được quy định tại điểm a khoản 1 điều 175 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo D tại bản Cáo trạng số 46/CT- VKS - HS ngày 02 tháng 02 năm 2021 là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi thuê tài sản của người khác rồi sau đó tự ý đem đi cầm là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do bị cáo lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm mất trật tự địa phương nên cần phải xử lý nghiêm để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân bị cáo:

Mặc dù bị cáo D không có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu. Vào ngày 23/12/2020 đã bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo D không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Chị Trần Thị Á đã nhận lại xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 75B1-318.90 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Tr có đơn xin vắng mặt và không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường cho anh số tiền 3.600.000 đồng nữa. Xét đây là sự tự nguyện của anh Tr, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận điều tra và bản cáo trạng nên các hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Đối với anh Nguyễn Văn Tr là người cầm xe, nhưng do anh Tr không biết tài sản do phạm tội mà có, nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về án phí: Bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn D (tên gọi khác: Trắng) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn D 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của bản án này với hình phạt 09 tháng tù của bản án số 269/2020/HS-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H. Buộc bị cáo Nguyễn D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam 21/12/2020.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Công an TP Huế;
- Sở tư pháp;
- Phòng PV06 Công an T T H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Lê Tuyết Linh